

Họ và tên:

Mã đề thi: 0301

Số báo danh:

Phần I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Vai trò chủ yếu của việc thu hút đầu tư nước ngoài ở Nam Trung bộ là

- A. giải quyết vấn đề hạn chế tài nguyên và năng lượng.
- B. tạo việc làm, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân.
- C. tạo điều kiện nâng cao vị thế của vùng so với cả nước.
- D. thúc đẩy hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Câu 2. Biện pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng dịch vụ ngành viễn thông nước ta hiện nay là

- A. đa dạng hơn các loại hình dịch vụ.
- B. tăng cường các hoạt động kinh doanh.
- C. mở rộng mạng lưới khắp các nước.
- D. ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới.

Câu 3. Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

- A. thiếu hụt nguồn lao động.
- B. khí hậu nhiệt đới nóng ẩm gió mùa.
- C. địa hình chủ yếu là đồi núi.
- D. thị trường thế giới nhiều biến động.

Câu 4. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta là

- A. khoáng sản.
- B. nhiên liệu.
- C. lương thực.
- D. tư liệu sản xuất.

Câu 5. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta có xu hướng giảm chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Quy mô dân số nước ta đông, song đang giảm dần.
- B. Chất lượng cuộc sống nhân dân ngày càng được nâng cao.
- C. Số dân đông và đang có xu hướng già hoá.
- D. Chính sách dân số phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế.

Câu 6. Vùng có số lượng đàn bò lớn nhất hiện nay của nước ta là

- A. Trung du và miền núi Phía Bắc.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Nam Trung Bộ.

Câu 7. Hướng chủ yếu trong phát triển các ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. hiện đại hóa, tăng liên kết, tham gia sâu, toàn diện vào chuỗi sản xuất.
- B. thu hút vốn đầu tư, xây dựng các khu công nghệ cao, liên kết vùng.
- C. phát triển sản phẩm cao cấp, đầu tư theo chiều sâu, bổ sung lao động.
- D. đào tạo nguồn lao động, quy hoạch sản xuất, tăng cường công nghệ cao.

Câu 8. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện qua đặc điểm nào sau đây?

- A. Độ dốc lòng sông ở vùng đồi núi lớn.
- B. Sông ngòi hướng tây bắc - đông nam.
- C. Diện tích lưu vực các sông khác nhau.
- D. Mật độ sông ngòi dày đặc.

Câu 9. Tỷ lệ dân thành thị nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây do

- A. cơ sở hạ tầng đô thị phát triển cao so với khu vực và thế giới.
- B. kết quả của việc di dân tự do từ vùng nông thôn ra thành thị.
- C. tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở thành thị cao hơn nông thôn.
- D. sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế và quy hoạch, mở rộng đô thị.

Câu 10. Đặc điểm tự nhiên nào sau đây là cơ sở cho việc hình thành cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ?

- A. Giáp vùng biển rộng, giàu tiềm năng.
- B. Địa hình phân hoá từ tây sang đông.
- C. Có nhiều nhóm đất và loại đất khác nhau.
- D. Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.

Câu 11. Hiệu quả kinh tế của việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi phía Bắc tăng lên chủ yếu do

- A. cải tạo chất lượng ở các đồng cỏ.
- B. chăn nuôi theo hướng hàng hoá.
- C. đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.
- D. phòng chống các loại dịch bệnh.

Câu 12. Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

- A. cận xích đạo và ôn đới.
- B. xích đạo và nhiệt đới.
- C. nhiệt đới và cận nhiệt đới.
- D. cận nhiệt đới và xích đạo.

Câu 13. Vị trí địa lí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

- A. lượng mưa trong năm lớn. B. chế độ mưa phân mùa.
C. biên độ nhiệt độ năm nhỏ. D. nền nhiệt độ quanh năm cao.

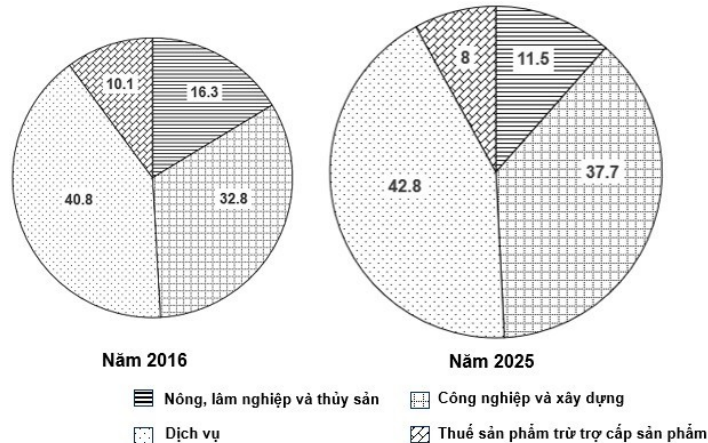
Câu 14. Ngành giao thông vận tải và bưu chính viễn thông nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. sự mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường.
B. kinh tế - xã hội đang phát triển theo chiều rộng.
C. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.
D. đời sống của nhân dân đang dần được ổn định.

Câu 15. Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay là

- A. liên kết với các vùng, tăng cường chế biến và xuất khẩu.
B. áp dụng khoa học, kĩ thuật, đẩy mạnh mở rộng diện tích.
C. ổn định thị trường, gắn chế biến, đẩy mạnh cây hàng năm.
D. hình thành vùng chuyên canh, sản xuất an toàn và hữu cơ.

Câu 16. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta, năm 2016 và năm 2025

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2016; Báo Nhân Dân điện tử, ngày 24/3/2026)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ trọng nhóm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản luôn thấp nhất.
B. Tỷ trọng ngành dịch vụ giảm, tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng tăng.
C. Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng nhanh hơn tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng.
D. Năm 2025 so với năm 2016, tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng tăng 4,9%.

Câu 17. Phát triển đô thị bền vững ở Đồng bằng sông Hồng cần ưu tiên vấn đề nào sau đây?

- A. Giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường. B. Hoàn thiện hạ tầng giao thông và viễn thông.
C. Thu hút thêm dân cư và lao động chất lượng. D. Đầu tư xây dựng thêm khu công nghiệp mới.

Câu 18. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ chủ yếu do

- A. chịu tác động mạnh của gió mùa Tây Nam và Tín phong bán cầu Bắc.
B. không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, vị trí gần xích đạo.
C. tổng lượng bức xạ Mặt Trời lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
D. trong năm có hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh, địa hình đồi núi thấp.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn thông tin sau:

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Gió mùa Đông Bắc làm cho miền Bắc có mùa đông lạnh kéo dài 3 - 4 tháng.
b) Gió mùa Đông Bắc tác động yếu đến phần lãnh thổ phía Nam nước ta do bức chắn địa hình của dãy Bạch Mã.
c) Gió mùa Đông Bắc thổi liên tục 2 – 3 tháng gây nên hiện tượng rét đậm, rét hại, nhiệt độ vùng núi cao có thể xuống dưới 6°C.

d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chủ yếu làm cho khí hậu nước ta biến động thất thường, nhiều thiên tai bão, lũ.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

Đông Nam Bộ có vị trí thuận lợi, tiếp giáp với các khu vực giàu tài nguyên ở Nam Trung Bộ; phía Tây và Tây Nam giáp với Đồng bằng sông Cửu Long, “vựa lúa” lớn nhất của cả nước; về phía Đông giáp biển và về phía Tây Bắc giáp với Campuchia. Vùng Đông Nam Bộ có lợi thế phát triển đa dạng các ngành kinh tế, dịch vụ, là cửa ngõ giao thương quan trọng ra Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương.

(Nguồn: VnEconomy, <https://vneconomy.vn/>, 2024)

- a)** Tiếp giáp với các vùng giàu tài nguyên Nam Trung Bộ và "vựa lúa" Đồng bằng sông Cửu Long, tạo thuận lợi cho việc cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.
- b)** Nhờ tiếp giáp với Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ có tiềm năng lớn để phát triển nền nông nghiệp hiện đại.
- c)** Phát triển đa dạng các ngành kinh tế là hướng phát triển quan trọng nhằm khai thác hiệu quả lợi thế ở vùng, đáp ứng thị trường và thu hút đầu tư.
- d)** Vị trí địa lý đóng vai trò chủ đạo giúp Đông Nam Bộ thu hút các ngành công nghiệp hàm lượng kỹ thuật cao và nguồn lao động chất lượng từ các vùng lân cận.

Câu 3. Cho đoạn thông tin sau:

“Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2025 ước đạt 920 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm 2024. Kim ngạch xuất khẩu đạt 470,59 tỷ USD, tăng 15,9% so với năm. Kim ngạch nhập khẩu năm 2025 đạt 449,41 tỷ USD, tăng 18% so với năm trước, cao hơn 2,1 điểm phần trăm so với tốc độ tăng xuất khẩu, khiến xuất siêu cả năm giảm mạnh so với năm trước. Những con số này phản ánh rõ nét cả sức bật của thương mại hàng hóa quốc tế của Việt Nam...”

(Nguồn: Báo điện tử Chính Phủ, ngày 06/01/2026).

- a)** Năm 2025 Việt Nam là nước xuất siêu.
- b)** Cán cân xuất nhập khẩu nước ta có sự chênh lệch lớn trong năm 2025.
- c)** Giá trị xuất khẩu của nước ta tăng là do kinh tế nước ta phát triển nhanh, thu nhập người dân tăng, nhu cầu của thị trường ngày càng lớn.
- d)** Kim ngạch nhập khẩu tăng nguyên nhân chủ yếu là do các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu, linh kiện và máy móc để phục vụ sản xuất.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CÁC TỈNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ

Tỉnh	Thanh Hóa	Nghệ An	Hà Tĩnh	Quảng Trị	TP. Huế
Diện tích (km ²)	11 114,7	16 486,5	5 994,5	12 700	4 947,1
Số dân (Nghìn người)	3 764,2	3 472,3	1 329,6	1 584,0	1 178,6

(Nguồn: Xử lý số liệu từ Niên giám thống kê năm 2024, Tổng Cục Thống kê)

- a)** Tỉnh có diện tích lớn nhất của vùng Bắc Trung Bộ là tỉnh Thanh Hoá.
- b)** Năm 2025, mật độ dân số trung bình của vùng Bắc Trung Bộ là hơn 220 người/km².
- c)** Nghệ An là tỉnh có mật độ dân số thấp nhất trong vùng, do có diện tích rộng.
- d)** Sự chênh lệch về quy mô dân số các tỉnh/thành phố của vùng chủ yếu do vị trí địa lý và trình độ phát triển kinh tế mỗi địa phương.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 – 2024

Năm	2015	2018	2022	2024
Điện (tỉ kwh)	157,9	209,2	258,7	308,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê 2023; <https://vcci.com.vn/news> 25/1/2025)

Cho biết, giai đoạn từ năm 2015 đến 2024, bình quân mỗi năm sản lượng điện nước ta tăng bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ĐÔNG XUÂN CỦA NƯỚC TA NĂM 2020 VÀ NĂM 2023

Lúa đông xuân	Năm 2020	Năm 2023
Sản lượng (nghìn tấn)	19 874,4	20 189,3
Diện tích (nghìn ha)	3 024,0	2 952,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê 2024) Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lúa đông xuân trung bình của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu

tạ/ha (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG Ở TRẠM SƠN LA VÀ TRẠM CÀ MAU NĂM 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	53,8	12,8	32,2	41,6	213,3	196,6	339,7	306,0	697,6	47,4	0,6	3,7
Huế	91,3	11,3	38,6	6,6	237,1	91,1	197,8	93,5	527,5	960,5	787,6	644,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, nxb Thống kê 2024) Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, tổng lượng mưa của Huế cao hơn Hà Nội bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2025, tổng dân số của nước ta là 102,3 triệu người, tỉ lệ dân nông thôn chiếm 61,4%. Hãy cho biết dân số thành thị của nước ta năm 2025 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5. Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2025 là 14,7 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Cho biết diện tích rừng trồng chiếm bao nhiêu % trong tổng diện tích rừng của nước ta? (làm tròn đến một chữ số thập phân của %)

(Nguồn: Dựa theo báo cáo tổng kết lâm nghiệp năm 2025; Moitruong.net.vn)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2021	2024
Sản phẩm thủy sản				
Nuôi trồng	410,3	586,9	844,8	934,2
Khai thác	198,9	248,3	355,3	371,2
Tổng sản lượng	609,2	835,2	1 200,1	1 305,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2024 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

.....**HẾT**.....

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
ĐA	D	D	D	D	D	B	A	D	D	B	B	C	D	A	A	D	A	B

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu	a	b	c	d
1	Đúng	Đúng	Sai	Sai
2	Đúng	Sai	Đúng	Sai
3	Đúng	Sai	Sai	Đúng
4	Sai	Đúng	Sai	Đúng

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	7,71	2,66	1742	39,5	31,3	4,22

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu 1: D.

Vai trò chủ yếu của thu hút đầu tư nước ngoài ở Nam Trung Bộ là **thúc đẩy hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất.**

Vì FDI trước hết bổ sung vốn, công nghệ, cách quản lí, từ đó làm tăng tốc quá trình công nghiệp hóa.

- A sai vì FDI không phải giải pháp chủ yếu để khắc phục hạn chế tài nguyên, năng lượng.
- B và C là hệ quả, nhưng không phải vai trò chủ yếu nhất.

Chọn D.

Câu 2: D.

Muốn nâng cao **chất lượng dịch vụ viễn thông**, biện pháp quan trọng nhất là **ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới**.

Công nghệ mới giúp tăng tốc độ truyền tin, ổn định mạng, mở rộng tiện ích và nâng cao trải nghiệm người dùng.

- A chỉ làm phong phú dịch vụ.
- B thiên về kinh doanh.
- C không phải yêu cầu thực tế chủ yếu.

Chọn D.

Câu 3: D.

Khó khăn lớn nhất của sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là **thị trường thế giới nhiều biến động**.

Cây công nghiệp thường gắn với xuất khẩu, nên giá cả và nhu cầu thị trường thế giới ảnh hưởng rất mạnh đến sản xuất.

- A sai vì nước ta không thiếu lao động nghiêm trọng.
- B là đặc điểm thuận lợi nhiều hơn khó khăn.
- C không phải khó khăn lớn nhất vì cây công nghiệp lại thường phân bố ở đồi núi, cao nguyên.

Chọn D.

Câu 4: D.

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta là **tư liệu sản xuất**.

Đó là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ sản xuất trong nước.

- A, B, C chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ hơn.

Chọn D.

Câu 5: D.

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm chủ yếu do **chính sách dân số phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế**.

Việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình, tuyên truyền dân số, nâng cao nhận thức đã làm giảm tỉ suất sinh.

- A sai vì quy mô dân số nước ta vẫn tăng.
- B có tác động nhưng không phải nguyên nhân chủ yếu nhất.
- C là hệ quả của mức sinh giảm, không phải nguyên nhân chính.

Chọn D.

Câu 6: B.

Vùng có số lượng đàn bò lớn nhất hiện nay là **Bắc Trung Bộ**.

Khu vực này có nhiều đồi gò, đồng cỏ, bãi chăn thả, thích hợp phát triển chăn nuôi bò.

Chọn B.

Câu 7: A.

Hướng chủ yếu trong phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là **hiện đại hóa, tăng liên kết, tham gia sâu và toàn diện vào chuỗi sản xuất**.

Đây là vùng có trình độ công nghiệp hóa cao, cơ sở hạ tầng và lao động chất lượng tốt nên định hướng là nâng cao chất lượng tăng trưởng.

- B, C, D chỉ là các giải pháp bộ phận.

Chọn A.

Câu 8: D.

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi thể hiện rõ ở **mật độ sông ngòi dày đặc**.

Nguyên nhân là mưa nhiều, nguồn nước dồi dào, quá trình xâm thực mạnh.

- A phản ánh địa hình.
- B phản ánh hướng cấu trúc địa hình.
- C không trực tiếp thể hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

Chọn D.

Câu 9: D.

Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh chủ yếu do **sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế và quy hoạch, mở rộng đô thị**.

Khi công nghiệp và dịch vụ phát triển, lao động tập trung vào đô thị nhiều hơn, đồng thời nhiều điểm dân cư được nâng cấp thành đô thị.

- B có tác động nhưng không phải nguyên nhân chủ yếu nhất.
- C không đúng.

- A không phù hợp thực tế.

Chọn D.

Câu 10: B.

Cơ sở tự nhiên cho việc hình thành cơ cấu **nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản** ở Bắc Trung Bộ là **địa hình phân hóa từ tây sang đông**.

- Phía tây là núi, đồi phù hợp lâm nghiệp.
- Đồng bằng ở giữa phù hợp nông nghiệp.
- Phía đông giáp biển thuận lợi thủy sản.

Vì vậy cơ cấu này gắn chặt với sự phân hóa lãnh thổ tây – đông.

Chọn B.

Câu 11: B.

Hiệu quả kinh tế của chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi phía Bắc tăng lên chủ yếu do **chăn nuôi theo hướng hàng hóa**.

Khi sản xuất hàng hóa phát triển thì quy mô lớn hơn, gắn với thị trường, chế biến và nâng hiệu quả kinh tế rõ nhất.

- A, C, D chỉ là điều kiện hỗ trợ.

Chọn B.

Câu 12: C.

Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là **nhiệt đới và cận nhiệt đới**.

Do khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, sinh vật mang sắc thái nhiệt đới rõ rệt.

Chọn C.

Câu 13: D.

Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có **nền nhiệt độ quanh năm cao**.

Đây là hệ quả trực tiếp nhất của vị trí địa lý.

- A và B chịu tác động mạnh của gió mùa, biển và địa hình.
- C không đúng với toàn lãnh thổ.

Chọn D.

Câu 14: A.

Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông có vai trò đặc biệt quan trọng chủ yếu do **sự mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường**.

Trong nền kinh tế hội nhập, vận chuyển hàng hóa, hành khách và trao đổi thông tin là điều kiện không thể thiếu.

- B, C, D đúng một phần nhưng không khái quát bằng A.

Chọn A.

Câu 15: A.

Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay là **liên kết với các vùng, tăng cường chế biến và xuất khẩu**.

Vùng này muốn phát triển hiệu quả phải gắn nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ và thị trường xuất khẩu.

- B thiên về mở rộng diện tích, không còn là hướng chính.
- C nhấn mạnh cây hàng năm là chưa phù hợp.
- D đúng nhưng chưa phải giải pháp chủ yếu nhất.

Chọn A.

Câu 16: D.

Dựa vào biểu đồ:

- Năm 2016, tỉ trọng **công nghiệp và xây dựng** là **32,8%**.
- Năm 2025, tỉ trọng là **37,7%**.

Mức tăng là: $37,7 - 32,8 = 4,9\%$.

Vì vậy nhận xét đúng là: **Năm 2025 so với năm 2016, tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng tăng 4,9%.**

- A sai vì nông, lâm, thủy sản không phải luôn thấp nhất; thấp nhất là thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm.
- B sai vì dịch vụ tăng chứ không giảm.
- C sai vì dịch vụ tăng **2,0%**, còn công nghiệp và xây dựng tăng **4,9%**.

Chọn D.

Câu 17: A.

Phát triển đô thị bền vững ở Đồng bằng sông Hồng cần ưu tiên **giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi**

trường.

Đây là vùng đô thị hóa mạnh, dân cư đông, sức ép môi trường lớn nên muốn bền vững phải ưu tiên xử lý vấn đề này.

- B, C, D quan trọng nhưng không cấp thiết bằng yêu cầu môi trường trong phát triển bền vững.

Chọn A.

Câu 18: B.

Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ chủ yếu do **không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, vị trí gần xích đạo**.

Vì gần xích đạo nên chênh lệch nhiệt giữa các mùa nhỏ; lại ít chịu tác động của khối khí lạnh phương Bắc.

- A không giải thích trực tiếp biên độ nhiệt nhỏ.
- C nói về bức xạ nhưng chưa đầy đủ bằng **B**.
- D không phải nguyên nhân chủ yếu.

Chọn B.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1.

a) Đúng

Gió mùa Đông Bắc hoạt động từ khoảng tháng 11 đến tháng 4 năm sau → kéo dài khoảng \$3-4\$ tháng → tạo mùa đông lạnh ở miền Bắc.

b) Đúng

Gió mùa Đông Bắc suy yếu khi vào phía Nam do:

- Bị dãy Bạch Mã chắn
 - Xa nguồn gió lạnh
- nên ảnh hưởng yếu.

c) Sai

Gió mùa Đông Bắc không thổi liên tục \$2-3\$ tháng mà theo từng đợt → nhận định sai.

d) Sai

Bão và lũ chủ yếu do áp thấp nhiệt đới và mưa lớn, không phải do gió mùa Đông Bắc → nhận định sai.

Kết quả: Đúng – Đúng – Sai – Sai

Câu 2.

a) Đúng

Giáp Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long → thuận lợi cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

b) Sai

Đồng Nam Bộ không có lợi thế lớn về nông nghiệp (thiếu nước mùa khô, đất không màu mỡ bằng ĐBSCL).

c) Đúng

Phát triển đa dạng ngành giúp khai thác hiệu quả tiềm năng và thu hút đầu tư.

d) Sai

Vị trí địa lý quan trọng nhưng không phải yếu tố **chủ đạo duy nhất** quyết định phát triển công nghiệp công nghệ cao.

Kết quả: Đúng – Sai – Đúng – Sai

Câu 3.

Dữ liệu:

Xuất khẩu: $470,59$ tỷ USD

Nhập khẩu: $449,41$ tỷ USD

a) Đúng

Vì $470,59 > 449,41$ → xuất siêu.

b) Sai

Chênh lệch:

$\Delta = 470,59 - 449,41 = 21,18$ (tỷ USD)

→ không phải chênh lệch lớn so với tổng kim ngạch.

c) Sai

Xuất khẩu tăng chủ yếu do mở rộng sản xuất và thị trường quốc tế, không phải do thu nhập trong nước tăng.

d) Đúng

Nhập khẩu tăng chủ yếu do nhập nguyên liệu, máy móc phục vụ sản xuất.

Kết quả: Đúng – Sai – Sai – Đúng

Câu 4

a) Sai

Tỉnh có diện tích lớn nhất là Nghệ An ($16,486,5 \text{ km}^2$), không phải Thanh Hóa.

b) Đúng

Tổng diện tích:

$$S = 11,114,7 + 16,486,5 + 5,994,5 + 12,700 + 4,947,1 = 51,242,8 \text{ km}^2$$

Tổng dân số:

$$N = 3,764,2 + 3,472,3 + 1,329,6 + 1,584,0 + 1,178,6 = 11,328,7 \text{ nghìn người}$$

Mật độ dân số:

$$D = \frac{11,328,7}{51,242,8} \approx 221 \text{ người/km}^2$$

→ lớn hơn 220 người/km^2 → đúng.

c) Sai

Tính mật độ:

$$\bullet \text{ Nghệ An: } \frac{3,472,3}{16,486,5} \approx 210$$

$$\bullet \text{ Quảng Trị: } \frac{1,584,0}{12,700} \approx 125$$

→ thấp nhất là Quảng Trị, không phải Nghệ An.

d) Đúng

Quy mô dân số phụ thuộc chủ yếu vào vị trí địa lý và trình độ phát triển kinh tế → nhận định đúng.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1.

$$r = \left(\frac{308,0}{157,9} \right)^{\frac{1}{9}} - 1$$

Tốc độ tăng trưởng bình quân năm:

$$\Rightarrow r \approx 0,07706 = 7,71\%$$

Đáp án: 7,71%

Câu 2.

$$NS = \frac{\text{San lượng}}{\text{Diện tích}}$$

Năng suất lúa:

$$\text{Năm 2020: } NS_{2020} = \frac{19,874,4}{3,024,0} \approx 6,5722 \text{ tấn/ha}$$

$$\text{Năm 2023: } NS_{2023} = \frac{20,189,3}{2,952,6} \approx 6,8378 \text{ tấn/ha}$$

$$\text{Mức tăng: } \Delta NS = 6,8378 - 6,5722 = 0,2656 \text{ tấn/ha}$$

$$\text{Đổi ra tạ/ha: } 0,2656 \times 10 = 2,656 \approx 2,66 \text{ tạ/ha}$$

Đáp án: 2,66 tạ/ha

Câu 3.

Tổng mưa Huế:

$$H = 91,3 + 11,3 + 38,6 + 6,6 + 237,1 + 91,1 + 197,8 + 93,5 + 527,5 + 960,5 + 787,6 + 644,0 = 3686,9 \text{ mm}$$

Tổng mưa Hà Nội:

$$N = 53,8 + 12,8 + 32,2 + 41,6 + 213,3 + 196,6 + 339,7 + 306,0 + 697,6 + 47,4 + 0,6 + 3,7 = 1945,3 \text{ mm}$$

Chênh lệch: $\Delta = 3686,9 - 1945,3 = 1741,6 \approx 1742 \text{ mm}$

Đáp án: 1742 mm

Câu 4.

Tỉ lệ dân thành thị: $100\% - 61,4\% = 38,6\%$

Dân số thành thị: $102,3 \times 0,386 = 39,4878 \approx 39,5$ triệu người

Đáp án: 39,5 triệu người

Câu 5.

Diện tích rừng trồng: $14,7 - 10,1 = 4,6$ triệu ha

Tỉ lệ: $\frac{4,6}{14,7} \times 100\% \approx 31,2925\% \approx 31,3\%$

Đáp án: 31,3%

Câu 6.

Tỉ trọng nuôi trồng:

Năm 2010: $T_{2010} = \frac{410,3}{609,2} \times 100\% \approx 67,35\%$

Năm 2024: $T_{2024} = \frac{934,2}{1305,4} \times 100\% \approx 71,57\%$

Mức tăng: $\Delta T = 71,57\% - 67,35\% = 4,22\%$